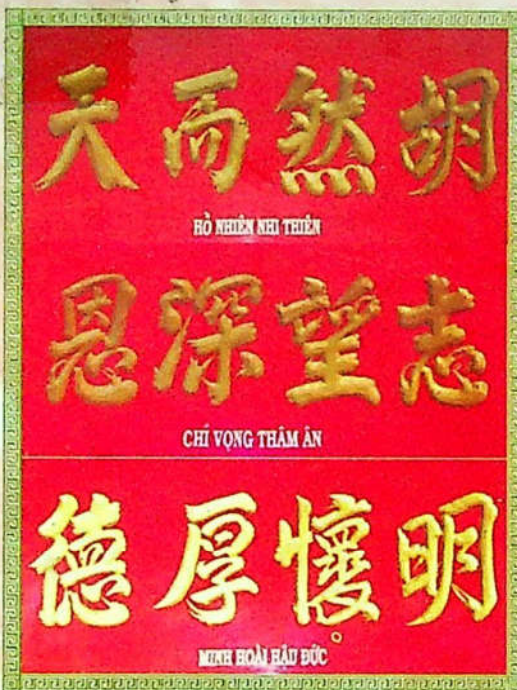


306.095 977 5

ĐC

D 300 T

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO & DU LỊCH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ DI TÍCH - DANH THẮNG



DI TÍCH ĐÌNH PHÚ MỸ



ĐỒNG NAI, 2013

DI TÍCH
ĐÌNH PHÚ MỸ

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO & DU LỊCH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ DI TÍCH - DANH THẮNG

DI TÍCH ĐÌNH PHÚ MỸ



THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG

2017/ĐC/VL 00001164

ĐỒNG NAI, 2013

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| LỜI MỞ ĐẦU | 9 |
| I. Tổng quan về vùng đất Phú Hội | 17 |
| 1.1. Địa lý và lược sử hành chính | 19 |
| 1.2. Môi trường tự nhiên | 21 |
| 1.3. Cư dân và sắc thái văn hóa | 22 |
| 1.4. Những địa danh liên quan | 24 |
| II. Lịch sử hình thành & phát triển đình Phú Mỹ | 27 |
| 2.1. Buổi đầu lập làng ở Phú Hội | 29 |
| 2.2. Sự hình thành đình Phú Mỹ | 31 |
| III. Các hạng mục di tích gốc | 35 |
| 3.1. Cổng đình | 38 |
| 3.2. Bình phong | 39 |
| 3.3. Tiền đình | 39 |
| 3.4. Chánh điện | 43 |
| 3.5. Nhà khách | 47 |
| 3.6. Nhà bếp | 48 |
| 3.7. Nhà Võ (Nhà thờ Tiên sư) | 48 |
| 3.8. Đàn thờ Thần Nông | 48 |
| 3.9. Đàn thờ Chiến sĩ trận vong | 49 |
| 3.10. Miếu thờ Ngũ Hành | 49 |
| 3.11. Miếu thờ Sơn quân | 50 |
| IV. Đối tượng thờ & lễ cúng trong năm | 51 |
| 4.1. Đối tượng thờ cúng | 53 |
| 4.1.1. Thần Thành hoàng | 53 |
| 4.1.2. Tả ban, Hữu ban | 54 |
| 4.1.3. Tiên hiền, Hậu hiền | 54 |
| 4.1.4. Bạch mã Thái giám | 55 |
| 4.1.5. Tiên sư | 55 |

| | |
|---|------------|
| 4.1.6. Ngũ cốc, Ngũ thổ | 56 |
| 4.1.7. Các đối tượng phối thờ | 56 |
| 4.1.5. Đối tượng thờ đặc biệt | 56 |
| 4.2. Các lễ cúng trong năm | 5 |
| 4.2.1. Lễ cúng Tiên sư | 57 |
| 4.2.2. Lễ Tống phong (Tống ôn) | 58 |
| 4.2.3. Lễ Thượng nguyên | 58 |
| 4.2.4. Lễ Trung nguyên | 58 |
| 4.2.5. Lễ Hạ nguyên | 59 |
| 4.2.6. Lễ dâng hương Chủ tịch Hồ Chí Minh | 59 |
| 4.2.7. Lễ Kỳ yên | 60 |
| 4.3. Văn tế tại đình Phú Mỹ | 74 |
| 4.3.1. Văn tế Thần Thành hoàng | 74 |
| 4.3.2. Văn tế Tiên hiền - Hậu hiền | 77 |
| V. Sự kiện, nhân vật lịch sử liên quan đến di tích | 81 |
| VI. Định hướng bảo tồn, phát huy giá trị di tích | 87 |
| 6.1. Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên | 91 |
| 6.2. Bảo tồn công trình kiến trúc | 91 |
| 6.3. Bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể | 92 |
| 6.4. Tuyên truyền quảng bá giới thiệu di tích | 92 |
| 6.5. Bảo tồn & phát huy lễ hội | 93 |
| PHỤ LỤC ẢNH | 96 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 132 |

Lời mở đầu

Làng cổ Phú Hội, di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật đình Phú Mỹ được tạo dựng từ khi những cư dân người Việt đầu tiên đến khai khẩn vùng đất Phú Hội lập làng. Trải qua các giai đoạn lịch sử, các thế hệ cư dân đã để lại nhiều thành tựu quan trọng trong các lĩnh vực cuộc sống. Mỗi địa phương, dân tộc đều có lịch sử và bản sắc văn hóa riêng, kho di sản văn hóa của các địa phương, các dân tộc góp phần làm nên sự phong phú, đa dạng kho di sản văn hóa của đất nước.

Làng Phú Hội là một trong bốn ngôi làng cổ còn bảo lưu khá đầy đủ, đậm tính nguyên vẹn làng của cư dân Người Việt nói chung, người Việt ở Đồng Nai, Đông Nam Bộ nói riêng. Đình Phú Mỹ là thành quả lao động, sáng tạo của cư dân người Việt trên vùng đất mới. Cảnh quan, kiến trúc, bài trí, đối tượng thờ cúng, lễ nghi có cả sự kế thừa, tiếp biến cho phù hợp với môi trường thiên nhiên và điều kiện sống. Quy mô kiến trúc của đình tuy không lớn, cấu kiện gỗ không chạm khắc cầu kỳ, tinh xảo như các ngôi đình làng ở Bắc Bộ. Nhưng, chứa đựng bên trong những giá trị Di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của một thời khai hoang, mở cõi, lập làng, của những kỳ tích trong lao động sáng tạo, trong chiến đấu chống quân thù, trong xây dựng bảo vệ đất nước và cả trong kế thừa, phát huy phong tục tập quán truyền thống văn hóa, tín ngưỡng của ông cha.

Nhằm bảo tồn, phát huy những giá trị di sản văn hóa vùng đất Phú Hội, Nhơn Trạch, Đồng Nai góp phần “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) của Đảng, Ban Quản lý Di tích - Danh thắng Đồng Nai biên soạn, giới thiệu sách di tích đình Phú Mỹ.

Cùng với những tư liệu khảo sát, nhóm tác giả kế thừa có chọn lọc những công trình nghiên cứu trước đây như: Gia Định Thành thông chí (Trịnh Hoài Đức, bản dịch do Nhà xuất bản Đồng Nai ấn hành, 2001), Văn hóa Đồng Nai (Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng, 2005), Địa chí Đồng Nai (Nhà xuất bản Đồng Nai, 2001), Biên Hòa - Đồng Nai - 300 năm hình thành và phát triển (Nhiều tác giả, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1998), Long Thành - những chặng đường lịch sử (Ban chấp hành Đảng bộ huyện Long Thành, 1988)... Hồ sơ Khoa học di tích đình Phú Mỹ, Đề tài nghiên cứu khoa học Làng Cổ Phú Hội (Ban Quản lý Di tích - Danh thắng Đồng Nai) để thực hiện tập sách này. Một số tư liệu của các công trình nghiên cứu được nhóm tác giả sử dụng góp phần làm cho cuốn sách tăng thêm giá trị khoa học. Thông qua cuốn sách, nhóm tác giả cũng bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến các tác giả, các nhà nghiên cứu về những nguồn tư liệu nêu trên.

Với mong muốn bổ sung, góp phần làm đầy đủ bộ sách khảo cứu địa phương và giới thiệu di tích trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói chung, di tích đình Phú Mỹ nói riêng. Ban Quản lý Di tích - Danh thắng Đồng Nai trân trọng giới thiệu tập sách đến với bạn đọc, du khách trong và ngoài nước. Mặc dù nhóm tác giả đã có nhiều nỗ lực trong quá trình biên soạn, song chắc chắn không tránh khỏi những

thiếu sót. Vì vậy, nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân tình với tinh thần xây dựng của quý độc giả.

Lê Trí Dũng

GĐ Ban Quản lý Di tích - Danh thắng Đồng Nai

12 DI TÍCH ĐÌNH PHÚ MỸ



Toàn cảnh đình Phú Mỹ



Tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh - Bộ Tư lệnh Lãng tặc



Nghi thức dâng rượu trong Lễ Kỳ Yên



Nhân dân địa phương dâng hương trong Lễ Kỳ Yên



Vườn cau Phú Hội

**TỔNG QUAN VỀ
VÙNG ĐẤT PHÚ HỘI**

**THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG**

2017/ĐC/VL 00001164



Đường làng Phú Hội

1.1. Địa lý và lược sử hành chính

Phú Hội là đơn vị cấp xã thuộc huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, cách thành phố Biên Hòa khoảng 40 km về hướng Nam, cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 35 km về hướng Đông tính theo đường chim bay.

Vị trí địa lý xã Phú Hội được xác định: phía Bắc và Đông Bắc giáp xã Phước Thiên, phía Tây và Tây Nam giáp xã Long Tân, phía Đông Nam giáp xã Hiệp Phước.

Tọa độ địa lý như sau: Kinh độ Đông từ 106°53'00" đến 106°53'07", Vĩ độ Bắc: từ 10°45'38" đến 10°45'47". Tổng diện tích xã Phú Hội là: 1.918,86ha, chiếm 4,69% tổng diện tích của huyện Nhơn Trạch.

Năm 1698, Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh vâng mệnh chúa Nguyễn Phúc Chu kinh lược phương Nam, đã sát nhập vùng Đồng Nai - Gia Định vào lãnh thổ Đàng Trong. Vùng đất Phú Hội thuộc dinh Trấn Biên, huyện Phước Long, phủ Gia Định. Nửa cuối thế kỷ XVIII, đất Phú Hội của Trấn Biên thuộc dinh Phiên Trấn. Đến năm 1788, Phú Hội thuộc tổng Long Thành, dinh Trấn Biên. Năm 1808, Phú Hội thuộc huyện Long Thành, trấn Biên Hòa, phủ Phước Long, thành Gia Định. Lúc bấy giờ các Tổng ở Biên Hòa được đổi thành Huyện và Dinh đều được đổi thành Trấn. Năm 1820, Phú Hội vốn thuộc Tổng Thành Tuy (mới đặt) trong huyện Long Thành. Tổng Thành Tuy có 29 thôn, trong đó có đề cập thôn Mỹ Khoan. Đây là địa danh đầu tiên với địa vực rộng lớn vốn là cơ sở để hình thành nên Phú Hội và các vùng phụ cận sau này. Năm 1832, Phú Hội (thôn Mỹ Khoan, Phú Mỹ An) thuộc huyện Long Thành, tỉnh Biên Hòa, phủ Phước Long, thành Gia Định. Từ năm 1837 đến trước khi Biên Hòa bị Pháp chiếm, Phú Hội trực thuộc huyện Long Thành, phủ Phước Tuy, tỉnh Biên Hòa.

Từ khi Pháp chiếm và thiết lập bộ máy cai trị, Phú Hội phụ thuộc vào sự thay đổi hành chính của chính quyền thực dân. Chủ yếu là sự thay

đổi tên gọi trực thuộc từ cấp tỉnh là tiểu khu Biên Hòa, hạt Biên Hòa và huyện, thành quận Long Thành hay Sở Tham biện Long Thành.

Theo sách Biên Hòa sử lược của nhà nghiên cứu Lương Văn Lựu: vào năm 1878, vùng đất Phú Hội gồm làng Mỹ Hội (ấp Mỹ Thành/còn gọi là Giang Lò), xóm Bàu Cá và Phú Mỹ (Bến Cam) thuộc tổng Thành Tuy Hạ, quận Long Thành, tỉnh Biên Hòa. Theo bản đồ của Boilloux khi miêu tả tỉnh Biên Hòa năm 1881, vùng đất Phú Hội có tên làng Mỹ Khoan. Lịch An Nam thông dụng 1897 thì ghi chú, ngoài làng Mỹ Khoan trước đây còn có thêm các làng: Mỹ Hội, Phú Mỹ, An Phú. Bốn làng Mỹ Khoan, Mỹ Hội, Phú Mỹ, An Phú thuộc Phú Hội vẫn còn tên trong tư liệu Monographie de Bien Hoa năm 1901. Theo Monographie de Bien Hoa năm 1924 của Robert thì làng Mỹ Khoan nhập với làng Mỹ Hội, Phú Mỹ để hình thành xã Phú Hội. Tư liệu Thời sự cầm nang Biên Hòa năm 1939 thì các làng trên không thấy đề cập, chỉ duy nhất một làng với tên gọi Phú Hội. Như vậy, các tư liệu trên cho thấy có những thay đổi về tên gọi, trong đó làng Mỹ Khoan dần biến mất, xuất hiện thêm 03 làng mới (cùng ấp, xóm). Sau đó, các làng hợp nhất thành Phú Hội. Chắc chắn sự thay đổi tên gọi của các làng thôn này cũng có sự thay đổi về địa giới nhưng không đáng kể mà chỉ trên một địa bàn vốn thuộc Phú Hội ngày nay cũng như một phần trong các xã kế cận.

Trong giai đoạn 1945 - 1954, về phía chính quyền thực dân, địa bàn Phú Hội vẫn thuộc hành chính như giai đoạn trước. Về phía chính quyền cách mạng, đầu năm 1951, Trung ương Cục miền Nam tổ chức lại chiến trường. Toàn Nam Bộ tổ chức thành hai Phân liên khu: miền Đông và miền Tây. Tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một sáp nhập thành tỉnh Thủ Biên; tỉnh Bà Rịa và Chợ Lớn sáp nhập thành tỉnh Bà Rịa - Chợ Lớn (thường gọi là Bà Chợ). Huyện Long Thành thuộc tỉnh Bà Chợ. Như vậy, địa bàn Phú Hội thuộc huyện Long Thành, tỉnh Bà Chợ.

Đối với phong trào đấu tranh cách mạng của huyện Long Thành, cuối năm 1951, có sự phân chia theo đơn vị Khu để kiện toàn, đẩy mạnh

công tác vũ trang tuyên truyền. Toàn huyện Long Thành chia làm 05 Khu. Xã Phú Hội gồm Phú Mỹ, Mỹ Hội cùng với xã Phước Thiện, Long Tân thuộc Khu II.

Về phía chính quyền cách mạng, địa bàn Phú Hội vẫn thuộc Long Thành, Nhơn Trạch nhưng có sự thay đổi theo sự phân chia trong từng giai đoạn cụ thể của tỉnh Biên Hòa: huyện Nhơn Trạch, tỉnh Biên Hòa (năm 1960), huyện Nhơn Trạch, tỉnh Biên Hòa nông thôn (1965), huyện Long Thành, tỉnh Bà Biên (1966), thuộc Phân khu 4 (10/1967 đến 4/1971), Phân khu Bà Rịa (5/1971 đến 8/1972), huyện Long Thành, tỉnh Biên Hòa (1972 đến 1975).

Từ năm 1954 - 1975, chính quyền Sài Gòn có một số thay đổi hành chính. Năm 1956, tỉnh Biên Hòa được thành lập sau khi có một số điều chỉnh về địa giới để hình thành một số tỉnh mới. Lúc bấy giờ, địa bàn Phú Hội thuộc tổng Thành Tuy Hạ, quận Long Thành, tỉnh Biên Hòa. Năm 1960, địa bàn Phú Hội thuộc tổng Thành Tuy Hạ, quận Nhơn Trạch, tỉnh Biên Hòa. Tác giả Trương Văn Nam trong sách Địa phương chí tỉnh Biên Hòa xuất bản năm 1971 cho biết, xã Phú Hội có 5 ấp gồm: xóm Vườn, ấp Chợ, ấp Phú Mỹ I, ấp Phú Mỹ II và ấp Đất Mới.

Sau ngày đất nước thống nhất, địa bàn Phú Hội thuộc huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cho đến năm 1994. Sau đó, huyện Long Thành chia làm hai huyện là Long Thành, Nhơn Trạch. Địa bàn Phú Hội thuộc huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cho đến hiện nay.

1.2. Môi trường tự nhiên

Phú Hội là vùng đất nằm ven sông Đồng Môn, phân bố ở hai bên tỉnh lộ 769 (25A), con đường đi từ thị trấn Long Thành về phà Cát Lái nối thành phố Hồ Chí Minh với Đồng Nai. Đây là vùng địa hình bán bình nguyên, có bề mặt nghiêng thoải từ Đông Nam (độ cao 31m) xuống Tây Bắc (độ cao 0,8' - 1,0m), là vùng chuyển tiếp giữa đất gò đồi với

vùng phù sa phèn. Đất đai của Phú Hội có các nhóm chính sau: đất phèn, đất xám, đất xám vàng trên phù sa cổ, đất xám gley trên phù sa cổ. Nhìn chung, phần lớn các nhóm đất của xã Phú Hội có chất lượng tốt, thích hợp với nhiều loại cây trồng và có nền địa chất vững chắc thuận lợi cho việc bố trí phát triển đất phi nông nghiệp.

Hệ thống sông, rạch của Phú Hội chủ yếu tập trung ở vùng phía Bắc, bao gồm: sông Đồng Môn, rạch Miếu Bà, rạch Bàu Cá, rạch Cát... chịu sự tác động của thủy triều theo chu kỳ bán nhật. Hệ thống sông, rạch vừa là đường giao thông, đồng thời cũng là kho dự trữ nước ngọt cung cấp nước tưới cho cây trồng. Các loài tôm, cá nước ngọt di chuyển theo mùa trên sông Đồng Môn và các kênh, rạch là nguồn lợi thủy sản của địa phương.

1.3. Cư dân và sắc thái văn hóa

Dân số xã Phú Hội theo thống kê năm 2012 là: 9.388 người. Toàn xã có 04 thành phần dân tộc cộng cư. Người Kinh chiếm số lượng đông đảo nhất, kế đến là người Hoa, Chơ ro, Khơ me. Còn các tộc người khác có số lượng khá khiêm tốn, đến sinh sống thời gian sau này, biểu lộ về tính hiện diện chứ không phản ánh tính cộng đồng.

Người Kinh đến khai phá vùng đất Phú Hội từ rất sớm. Tư liệu về làng Phú Hội cho biết có những dòng họ lớn đến đây khai khẩn từ lâu. Xét trong bối cảnh chung khai phá đất Đồng Nai xưa, có thể thấy nguồn gốc của những cư dân đến sinh sống ở Phú Hội vô cùng đa dạng. Nhiều người dân từ miền Trung đến đây khai khẩn cách đây trên 200 năm. Có nhiều dòng họ đến nơi khác sinh sống, rồi một thời gian sau đó, tìm đến Phú Hội lập nghiệp. Quá trình cộng cư của nhiều thế hệ dân cư tại Phú Hội với nguồn gốc nhiều lớp cư dân đã tạo nên cho vùng đất này những sắc thái văn hóa khác nhau.

Phong tục tập quán của các thế hệ cư dân đầu có những tác động, biến đổi qua nhiều thời kỳ lịch sử, song đã tạo nên những nét đẹp,

mang dấu ấn của cộng đồng trên một địa bàn cụ thể. Người dân Phú Hội còn bảo lưu tập quán, nghi lễ truyền thống của người Việt trong chu kỳ vòng đời người. Làng quê Phú Hội vẫn còn những nghề truyền thống.

Nhà ở truyền thống của người dân Phú Hội thường được tạo dựng với đặc điểm chính là nhà ba gian hai chái, được bố trí hài hòa trong khuôn viên có vườn cây và hàng rào bao quanh rất đối bình dị. Phú Hội là địa bàn có kiến trúc nhà cổ chiếm số lượng lớn ở huyện Nhơn Trạch. Phần lớn, các kiến trúc nhà cổ bằng gỗ được tạo dựng khá sớm, từ cuối thế kỷ XIX trở đi. Một số nhà cổ tiêu biểu như: nhà bà Mã Thị Tám (1890); nhà ông Đào Trí Mỹ Nhân (Hội đồng Liêu) (1900); nhà ông Nguyễn Phong Lưu (1900); nhà ông Lê Thanh Thiện (1900)...

Tín ngưỡng, tôn giáo ở Phú Hội khá đa dạng. Trong đó, tín ngưỡng thờ tổ tiên chiếm tỷ lệ cao nhất 80,78%, đạo Công giáo chiếm 17,56%, đạo Phật chiếm 1,39%, đạo Cao Đài chiếm 0,16%, đạo Tin lành chiếm 0,09%. Với sự đa dạng về tín ngưỡng, tôn giáo, những cơ sở thờ tự đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương cũng ra đời như:

Đình Phú Mỹ xây dựng đầu thế kỷ XIX trong thời kỳ vùng đất Phú Hội còn hoang sơ. Đình Mỹ Hội, được xây dựng cách nay khoảng 200 năm để thờ Thần Thành Hoàng bốn cảnh. Miếu Giang Lò, ấp xóm Hồ được xây dựng cách ngày nay khoảng trên 100 năm, để thờ Ngũ hành Nương Nương. Đây vốn là cơ sở hoạt động của 22 thành viên trong tổ chức Hội kín yêu nước của Phú Hội những năm đầu thế kỷ XX. Dinh Ông Gốc, ấp Phú Mỹ II, chưa rõ năm xây dựng, thờ Mộc Long chi thần (tức thần Ông Gốc). Chùa Phú Quang, ấp Phú Mỹ 2, khởi dựng vào khoảng năm 1957, đây là công trình kiến trúc Phật giáo ra đời sớm nhất và đẹp nhất ở Phú Hội, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của người dân địa phương. Tịnh thất Thọ Quang, ấp Đất Mới, được xây dựng vào khoảng năm 1979, Nhà thờ Mỹ Hội ở ấp Đất Mới, do giáo dân sinh sống ở Gò Nông, xóm Vườn lập nên vào khoảng cuối thế kỷ XVIII.

1.4. Những địa danh liên quan

Phú Hội là đơn vị hành chính cấp xã của huyện Nhơn Trạch. Hiện nay, các đơn vị hành chính cấp ấp gồm: ấp xóm Hố, ấp Đất Mới, ấp Phú Mỹ I, ấp Phú Mỹ II. Ngoài những địa danh hành chính trên, nhiều địa danh khác của vùng Phú Hội phản ánh sự phong phú trên nhiều lĩnh vực của một địa bàn được con người đến khai khẩn từ rất sớm.

Phú Hội là một mỹ tự với hàm nghĩa là nơi tập trung của sự sung túc, giàu sang. Địa danh này đi vào trong những câu ca được lưu truyền rộng rãi:

*- Nước Mạch Bà, Trà Phú Hội
Sầu riêng An Lợi, chuối già Long Tân
Cá Bui, Sò huyết Phước An
Gạo thơm Phước Khánh, tôm càng Rạch Nhum*

*- Ai về Phú Hội, Phước Thiên
Chôm chôm xóm Hố, sầu riêng xóm Vườn.*

Cùng với những địa danh An Lợi, Long Tân, Phước An, Phước Khánh, Phước Thiên, Rạch Nhum... vùng đất Phú Hội với các làng, thôn xóm Hố, xóm Vườn đã góp phần làm nên những đặc điểm lý thú, độc đáo của vùng đất phía hạ nguồn sông Đồng Nai trước khi chảy ra các cửa biển.

Vùng đất Nhơn Trạch với điều kiện địa lý đặc thù thường xuất hiện những mạch nước ngầm tự phun lộ thiên tạo nên những dòng chảy trong và mát. Người dân địa phương khai thác nguồn nước này sử dụng trong sinh hoạt và tưới tiêu. Những loại cây trồng nhờ mạch nước này xanh tươi quanh năm. Có thể do thổ nhưỡng và nguồn nước mạch này mà cây trà khi trồng tại Phú Hội có hương vị và mùi thơm đặc biệt. Phú Hội còn nổi tiếng với các loại trái cây danh tiếng của miền Đông Nam Bộ như: Chôm chôm, sầu riêng ở xóm Hố, xóm Vườn.

Xã Phú Hội được hình thành từ ba làng chính: Mỹ Khoan, Mỹ Hội, Phú Mỹ. Đây là những địa bàn được khai phá sớm trên vùng đất Nhơn Trạch. Không lý giải theo chiết tự nhưng dân gian vẫn có cách hiểu đơn giản nhất về ngữ nghĩa của tên làng, thôn, ấp. Mỹ là cái đẹp. Khoan là sự khoan dung. Hội là nơi tập trung, tụ lại. Phú là sự giàu sang. Điều đặc biệt là ở các địa danh của các thôn để hình thành xã Phú Hội là sự xuất hiện của chữ Mỹ. Điều này có thể phản ánh đây là vùng đất được tạo dựng với bao điều đẹp đẽ sau một thời gian những lớp cư dân đến sinh sống, hoặc có thể là mong muốn, khát khao về cái đẹp cũng như sự giàu có, sự khoan dung, hội tụ.

Sông Đồng Môn là sông lớn của huyện Long Thành - Nhơn Trạch, chảy qua xã Phú Hội. Sông Đồng Môn gắn liền với những sự kiện lịch sử và nó cũng đi vào trong câu ca dân gian:

*- Nước sông Đồng Nai sóng dôi lên xuống
Cửa Đồng Môn mây cuốn cánh buồm xuôi
Bậu với Qua hai mặt một lời
Trên có trời, dưới có đất
Nguyện sông cạn non đời cũng chẳng xa.*

Hay:

*- Trầu Đồng Nai trầu ăn nhả bã
Thuốc Đồng Môn thuốc hút phà hơi
Trầu nồng thuốc thắm ai ơi
Gá duyên chồng vợ ở đời trăm năm.*

Câu ca thật thú vị khi mượn những hình ảnh “trầu nồng Đồng Nai” và “thuốc thắm Đồng Môn” để nói lên chuyện duyên tình nghĩa nặng của con người.

Một số địa danh khác ở Phú Hội phản ánh nhiều mặt của vùng đất này. Địa danh phản ánh sự phong phú thực vật của địa phương như:

26 DI TÍCH ĐÌNH PHÚ MỸ

bến Cây Điệp, bến Cây Me, đường Cây Dầu, hóc Cây Da, hố Cây Ư... địa danh phản ánh môi trường tự nhiên như: Bàu Cá, Rạch Cát, xóm Hố, bến ghe nông Giang Lò. Địa danh gắn liền với tên gọi dân dã về một nhân vật gắn liền với vùng đất như: xóm Hố Bà Đại, bến ghe Dinh Ông, rạch Ông Hương, bến đò ông Tư Chón. Địa danh gắn với cơ sở tín ngưỡng có Rạch Miếu.

02

**LỊCH SỬ HÌNH THÀNH
& PHÁT TRIỂN
ĐÌNH PHÚ MỸ**



Một góc đình Phú Mỹ

2.1. Buổi đầu lập làng ở Phú Hội

Vào thế kỷ XV, XVI, vùng đất Đồng Nai còn hoang vu. Địa bàn này trở thành địa điểm lý tưởng cho nhiều lớp cư dân từ nơi khác đến sinh sống. Năm 1698 là cột mốc lịch sử quan trọng đối với vùng đất Đồng Nai khi Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn kinh lược vùng đất phương Nam. Vùng đất Đồng Nai tiếp tục đón nhận những đợt nhập cư lớn của các nguồn di dân đến Đồng Nai, làm tăng dân số và thành phần dân cư. Đó là cuộc di dân từ các tỉnh miền Trung (vùng Ngũ Quảng) đến Đồng Nai theo chính sách khai khẩn của các chúa Nguyễn.

Hành trình của những cư dân đến khai khẩn đất Đồng Nai chủ yếu bằng đường bộ và đường thủy. Trong đó, đường thủy là cách thuận tiện, được nhiều cư dân chọn lựa. Bởi, khi chọn đi đường thủy (vượt biển) thì họ vào vùng đất Đồng Nai thuận lợi hơn là phải vượt qua vùng đất của Chăm pa với đầy biến động xã hội.

Những lớp cư dân vào cửa biển, men theo các dòng sông, tìm đến những giồng đất tốt, có điều kiện thuận lợi, trước hết ven sông để tạm cư và sinh sống. Trải qua những thời kỳ khác nhau, khi dân cư phát triển, vùng đất đón thêm những lớp cư dân khác, để tìm vùng đất mới thuận lợi, nhiều lớp dân cư đã tìm đến các nơi khác lập làng. Từ đó, các làng, thôn, ấp ở Đồng Nai được hình thành và ngày càng mở rộng.

Vùng miệt dưới Nhơn Trạch - Long Thành của sông Đồng Nai khá thuận lợi trong chuyến hành trình tìm đất mới của các cư dân từ nơi khác đến sinh sống. Phú Hội có đường sông để đi lại, có rừng núi để khai thác lâm sản, đất đai màu mỡ thuận lợi cho việc trồng lúa nước và chăn nuôi... nơi đây trở thành địa điểm lý tưởng của người dân di cư. Những giồng đất ven các sông Đồng Môn, rạch Bà Ký, nông Giang Lò, các đồng ruộng với nhiều mương rạch, nhiều cây nhưng không lâm vào cảnh lam sơn chướng khí như ở miệt thượng sông Đồng Nai thu hút một lượng người di dân tìm đến để lập làng, khai thôn, mở ấp. Thật

khó mà khảo chứng chính xác thời điểm những lớp cư dân đầu tiên đến Phú Hội sinh sống nhưng chắc chắn rằng, đến đầu thế kỷ XIX, ở đây đã hình thành nên những cụm dân cư như Mỹ Khoan, Phú Mỹ, Mỹ Hội. Những thôn làng của nhiều người tìm đến Phú Hội sinh sống đã làm cho một vùng đất hoang sơ trước đó được ổn định từ tổng Long Thành cho đến tổng Thành Tuy Hạ sau này. Qua các nguồn tư liệu, cho thấy địa bàn Long Thành (bao gồm cả Nhơn Trạch ngày nay) là nơi ổn định cả về tên gọi, địa giới và quy mô khai khẩn mạnh mẽ trong lịch sử mở mang vùng đất Đồng Nai.

Cùng với cư dân đã ổn định trước đây, những lớp cư dân đến sau hòa chung với cộng đồng trong cuộc mưu sinh nơi vùng đất mới. Ban đầu những chòm xóm, sau đó mở rộng thành ấp rồi đến thôn, làng, xã. Đứng trước bao khó khăn, thử thách, người dân buổi đầu khai khẩn gắn kết với nhau, tương thân, tương ái, đoàn kết nhau cùng sinh tồn, để lao động, chế ngự những nguy hiểm. Đó cũng là một quy luật không chỉ ở vùng Phú Hội của Long Thành - Nhơn Trạch nói riêng mà cả vùng Đồng Nai - Nam Bộ nói chung.

Chắc chắn những xóm, làng thôn thuở ban đầu khai khẩn ở Phú Hội không rộng lớn. Theo những người cao tuổi kể lại, làng Phú Mỹ do dòng họ Nguyễn khai khẩn. Tương truyền, dòng họ Nguyễn này có điểm khởi xuất từ viên Quản đốc đoàn thuyền buồm của chúa Nguyễn có tên là Nguyễn Văn Miên. Ông Nguyễn Văn Miên là người gốc tỉnh Thanh Hóa. Vào thời chúa Nguyễn Phúc Thuận (ở ngôi chúa từ năm 1765 - 1777), ông giữ chức Quản đốc, chỉ huy đoàn thuyền buồm vào Nam chuyên chở lương thực về Huế. Đoàn thuyền do ông chỉ huy cứ vào Nam ra Bắc thường xuyên. Trong một chuyến đi, đoàn thuyền của ông vào Nam chưa kịp trở ra Huế thì chúa Nguyễn phải chạy loạn vào Nam. Đội quân của đoàn thuyền do ông Nguyễn Văn Miên chỉ huy được lệnh giải thể, đồng thời được cấp giấy cho ở lại khẩn đất ở miền Nam lập nghiệp sinh sống. Ông Nguyễn Văn Miên đã đến khai khẩn đất ở Phú Mỹ với diện tích khoảng 6 mẫu, 7 thước, 5 tấc.

Trong quá trình khẩn hoang, lập nghiệp trên vùng đất mới, người Việt từng bước khẳng định sự tồn tại của cộng đồng bằng việc ra sức xây dựng một cuộc sống ổn định. Trong đời sống tinh thần, người Việt hình thành những cơ sở tín ngưỡng sinh hoạt cộng đồng để gắn kết cộng đồng, thỏa mãn nhu cầu tâm linh. Đó là cơ sở cho việc hình thành các đình, miếu của thôn, làng người Việt ở Phú Hội.

2.2. Sự hình thành đình Phú Mỹ

Ở Nam Bộ, mỗi làng người Việt thường có một ngôi đình. Người xưa chọn đất dựng đình thờ Thần vì nhu cầu tâm linh làng xã, nhưng cũng chính là ước vọng sự sung túc, thịnh vượng của cả cộng đồng. Từ lúc ban đầu, những cơ sở tín ngưỡng như đình, miếu... được dựng lên với quy mô nhỏ, bằng những vật liệu vốn sẵn có tại chỗ như tre, lá, cây gỗ. Thường thì nhóm cộng đồng cư dân tại một vùng chung sức nhau để dựng lên. Về sau, trong quá trình phát triển, những cơ sở tín ngưỡng được nâng cấp lên cả về quy mô lẫn hình thức do sự lớn mạnh của chính cộng đồng dân cư tại chỗ.

Trong quá trình khẩn hoang, lập ấp Phú Mỹ, nhiều người dân đã bỏ mạng trên mảnh đất này bởi bệnh tật, thú dữ. Đứng trước những hoàn cảnh như vậy, năm 1802, ông Nguyễn Văn Miên đã vận động dân làng Phú Mỹ chặt cây rừng cất lên một ngôi miếu nhỏ tại gò đất cao trong mảnh ruộng ông Bốn (còn gọi là cánh đồng Dinh Ông). Ngôi miếu ban đầu được làm thô sơ bằng những loại cây có sẵn trong vùng. Tuy đơn sơ nhưng trong tâm thức người dân khai hoang Phú Mỹ, họ thành tâm mong muốn thần linh giúp đỡ trong quá trình lập làng, khai khẩn; biết ơn những người đi trước. Đây là một trong những dạng thức tín ngưỡng dân gian về thờ thần linh để cầu an bắt nguồn từ miền quê gốc và gắn với người dân Phú Mỹ trên vùng đất mới.

Sau khi ông Nguyễn Văn Miên qua đời, con ông là Nguyễn Văn Sắc cùng với dân làng Phú Mỹ tiếp tục khai phá đất rừng, mở rộng diện tích làng Phú Mỹ. Quá trình khai phá, mở rộng làng xã, thôn ấp đã làm

phát lộ địa điểm thích hợp cho việc dời miếu.

Năm 1820, ông Nguyễn Văn Sắc đã cùng dân làng Phú Mỹ dời ngôi miếu lên phía khu rừng có địa thế cao và nhiều cây cổ thụ. Miếu được xây dựng với quy mô lớn hơn trước và được đổi tên thành đình. Tên đình gắn với tên làng gắn gũi thân thương, thể hiện tình cảm sâu nặng tôn kính và tri ân đối với Thần Thành hoàng về sự bảo trợ, phù hộ của Thần đối với dân làng.

Đình được xây dựng trên một cuống đất cao, nhiều cây cối bốn phía còn là rừng, nhiều thú dữ nên thời gian đầu rất ít người dân đến cúng đình. Ông Nguyễn Văn Sắc, người có công khởi dựng và trông coi đình đã quyết tâm tìm diệt thú dữ để cho người dân của làng đến đình mà không còn sợ thú đe dọa tính mạng. Có nhiều câu truyền thuyết về việc ông đánh nhau với thú dữ. Một lần người dân không thấy ông ở đình. Họ đi tìm và phát hiện ông bị thương nặng do móng vuốt cọp. Dân làng đưa ông về cứu chữa nhưng do vết thương quá nặng, lại mất máu nhiều ông không qua khỏi, để lại sự xót thương, kính trọng trong lòng người dân cho đến nay.

Năm 1832, trước tình cảnh đình không người trông coi, dân làng Phú Mỹ quyết định dời đình về ngọn đồi gần khu dân cư hơn. Địa điểm để dời đình có diện tích rộng, khá bằng phẳng lại là nơi đỉnh ngọn đồi nhiều cây cổ thụ nhưng tách bạch khỏi các khu rừng trước đó. Trong thời điểm lúc bấy giờ, các khu rừng liền kề nơi đình làng trước đây cũng được người dân khai phá, làm rẫy nên thú dữ cũng không trú lại mà tìm đến nơi khác sinh sống. Mỗi lần dời đình là diện tích đình được mở rộng và kiến trúc đình được sửa chữa, kiên cố hơn. Bộ khung kiến trúc đình được thay bằng những loại cây gỗ tốt khai thác từ rừng ở địa phương. Mái đình Phú Mỹ được lợp ngói âm dương thay cho mái lá trước đây. Không gian kiến trúc và các đối tượng thờ cũng được mở rộng. Một số miếu thờ các vị thần linh khác cũng được xây dựng. Trong đó có miếu thờ thần Hổ. Nhiều câu chuyện liên quan đến loài cọp với người dân. Chuyện đánh Cọp cứu dân ở vùng Phú Hội (Nhơn Trạch),

Hóc Ông Che (Hoá An)... chuyện Cọp giúp người, người giúp với sự tích Miếu Bà Mụ ở Bến Gỗ (Long Thành), chuyện Cọp dữ được cảm hoá trở nên hiền lành ở Bửu Long (Biên Hoà), Đá Chồng (Định Quán)... là những minh chứng cho tập tục này.

Nhiều người dân Phú Hội cho rằng, từ khi đình Phú Mỹ dời về địa điểm hiện nay vào năm 1832, không còn cảnh bị thú dữ phá hoại. Không có tư liệu đề cập đến khoảng thời gian dài về ngôi đình này một cách cụ thể nhưng chắc chắn rằng, đình Phú Mỹ đã trở thành một thiết chế tín ngưỡng gắn liền với quá trình hình thành, phát triển vùng đất Phú Hội nói riêng, Nhơn Trạch - Đồng Nai nói chung.

Kiến trúc hiện tồn với những thành tố hợp thành cho thấy đình Phú Mỹ đã trải qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo trong thế kỷ XX. Một số mốc thời gian liên quan đến đình Phú Mỹ được những người cao tuổi ở Phú Hội cho biết như sau:

- Năm 1933: Thay thế một số hàng cột gỗ ở tiền đình.
- Năm 1958: Trùng tu các miếu thờ phía trước đình bằng vật liệu gạch, xi măng thay cho vật liệu gỗ trước đó.
- Năm 1961: Tôn tạo bức bình phong.
- Năm 1969: Bổ sung, thay thế một số hoành phi, liễn đối.
- Năm 1998: Sửa chữa thay mái ngói âm dương bằng ngói tây ở Tiền đình, Chánh điện. Một số bệ thờ được xây dựng thêm.
- Năm 2006: Ban Quản lý Di tích - Danh thắng tỉnh lần đầu tiên ứng dụng kỹ thuật bảo quản, gia cố, gia cường, tu bổ theo hướng dẫn của Cục Di sản văn hóa, nhằm ngăn ngừa nguy cơ mối mọt, nấm mốc xâm hại phá hủy các cấu kiện cấu thành di tích, đảm bảo cho di tích tồn tại lâu dài.